TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Quảng;

2. Ông Lương Văn Kiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa*: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1999;Địa chỉ: Đ, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bị đơn: Anh Kiều Đức H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17/02/2025 chị Nguyễn Thị Hồng P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh Kiều Đức H.

Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị P trình bày, chị và anh Kiều Đức H kết hôn ngày 02/3/2023 tại UBND xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vã, xung đột, nên chị và anh Kiều Đức H không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Vì vậy chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Kiều Đức H có một con chung là Kiều Anh H1, sinh ngày 25/8/2023, chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Kiều Đức H, đăng ký hộ khẩu thường trú cùng cha mẹ đẻ tại số nhà L, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Xác minh tại địa phương, được biết, anh Kiều Đức H sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú như trong đơn khởi kiện, nhưng thường xuyên vắng mặt, không có ở nhà.

Anh Kiều Đức H biết được việc chị P khởi kiện xin ly hôn, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không đến tham gia để giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên không yêu cầu gì về các thủ tục tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Kiều Đức H đang sinh sống tại Làng N, xã I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, nhưng anh H không đến để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P và mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Kiều Đức H xác lập quan hệ vợ chồng đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. Về yêu cầu ly hôn:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị P thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng là có thật. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm, chăm sóc nhau; anh H không còn quan tâm đến đời sống vợ chồng, nên quá trình giải quyết vụ án, anh không đến tham gia, trình bày ý kiến của mình về mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng để được Tòa án hòa giải, khuyên nhủ để đoàn tụ. Chứng tỏ rằng anh H không mong muốn tiếp tục chung sống vợ chồng với chị P và đồng thời, chị P cũng cương quyết xin ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P ly hôn với anh H.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay con chung là Kiều Anh H1, sinh ngày 25/8/2023 đang được chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và điều kiện thực tế hiện nay, chị P đang trực tếp chăm sóc nuôi dưỡng con, nên cần tiếp tục giao cho chị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định môi trường sống cho con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị P không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[5] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều: 51, 56, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với anh Kiều Đức H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Kiều Anh H1, sinh ngày 25/8/2023 cho chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 001252 ngày 0432-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nguyễn Thị Hồng P đã đóng đủ tiền án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND xã I,thành phố Pleiku Tỉnh Gia Lai (GCNKH số 08; QS 01/2023; ngày 02/3/2023);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhơn